

Đà Nẵng, ngày      tháng      năm 2016

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số      ngày tháng năm 2016 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

Trình độ đào tạo	: ĐẠI HỌC
Ngành	: QUẢN TRỊ KINH DOANH
Mã ngành	: 52 34 01 01
Tên ngành (Tiếng Anh)	: BUSINESS ADMINISTRATION
Tên chuyên ngành	: QUẢN TRỊ KD TỔNG QUÁT
Tên chuyên ngành (Tiếng Anh)	: BUSINESS ADMINISTRATION
Mã chuyên ngành	: 52 34 01 01 01
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Hình thức đào tạo	: Chương trình đào tạo đại trà

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng quát có **năng lực** về chuyên môn nhằm thực hiện công việc kinh doanh, quản trị trong các lĩnh vực chức năng, quản trị cấp cao của tổ chức, và khởi sự làm chủ một doanh nghiệp độc lập; có phẩm chất tốt, có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp kinh doanh nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh và khả năng cần thiết cho mục tiêu học tập suốt đời.

#### 1.2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng quát khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

##### 1.2.1. Kiến thức

###### *Kiến thức cơ bản*

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản
1	CĐR1	Nắm vững các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, kinh tế - xã hội, kinh doanh - quản lý, kế toán - tài chính

2	CĐR2	Hiểu biết những kiến thức cơ bản về toán được ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh
3	CĐR3	Nắm vững kiến thức về tổ chức, cơ cấu tổ chức, những chức năng chính và các yếu tố môi trường kinh doanh của tổ chức.

### ***Kiến thức nghề nghiệp***

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức nghề nghiệp
1	CĐR4	Thông hiểu về các loại và việc xây dựng chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp
2	CĐR5	Nắm bắt các quyết định cơ bản trong hoạt động quản trị ở các lĩnh vực chức năng của doanh nghiệp
3	CĐR6	Hiểu biết những nhiệm vụ và các quyết định cơ bản trong điều hành tổng thể một đơn vị/tổ chức của các nhà quản trị cấp cao
4	CĐR7	Thông hiểu về tinh thần kinh doanh, các quyết định về khởi nghiệp kinh doanh.

### **1.2.2. Kỹ năng**

#### ***Kỹ năng cơ bản***

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng cơ bản
1	CĐR8	Kỹ năng tự chủ, độc lập, sáng tạo giải quyết vấn đề
2	CĐR9	Kỹ năng truyền thông, giao tiếp bằng lời nói, thuyết trình, qua văn bản và giao dịch với các công cụ truyền thông (điện thoại, e-mail)
3	CĐR10	Kỹ năng làm việc theo nhóm
4	CĐR11	Có thể giao tiếp kinh doanh bằng tiếng Anh Đạt từ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) trở lên
5	CĐR12	Sử dụng thông thạo các công cụ công nghệ thông tin, các phần mềm phổ thông và chuyên dụng để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp (đạt chuẩn tin học văn phòng và chuyên ngành)

#### ***Kỹ năng nghề nghiệp***

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp
1	CĐR13	Khả năng nhận diện cơ hội và ra quyết định kinh doanh
2	CĐR14	Khả năng thực hiện các chức năng của nhà quản trị về Hoạch định, Tổ chức, Lãnh đạo, Đánh giá và Kiểm soát.

### 1.2.3. Thái độ và hành vi

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tiêu chuẩn đầu ra về thái độ và hành vi
1	CDR15	Tuân thủ quy định pháp luật, chuẩn mực chung của xã hội và nghề nghiệp Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội
2	CDR16	Trách nhiệm, tích cực, chấp nhận khó khăn và chịu áp lực cao trong công việc
3	CDR17	Có khát vọng kinh doanh và quyết tâm theo đuổi mục tiêu đã đặt ra.

### 1.3. Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân quản trị kinh doanh tổng quát có thể làm việc ở trong các tổ chức kinh doanh ở mọi thành phần kinh tế, các cơ quan chính quyền, các tổ chức phi lợi nhuận với các nhóm vị trí có thể đảm nhận:

- Chuyên viên kinh doanh: Nhân viên kinh doanh, Trưởng cửa hàng bán lẻ, Giám đốc bán hàng vùng/khu vực

- Chuyên viên phân tích và tư vấn quản trị kinh doanh: Trợ lý phân tích và tổng hợp báo cáo về môi trường kinh doanh, tài chính, lập kế hoạch sản xuất, nhân sự, sản xuất, trợ lý xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh

- Nhà quản trị cấp tác nghiệp ở các bộ phận chức năng khác nhau: Giám sát sản xuất; Quản đốc phân xưởng nhỏ; quản trị viên các phòng marketing, nhân sự, vật tư, chất lượng.

- Nhà quản trị tổng quát: Giám đốc nhà máy; Giám đốc điều hành chi nhánh/khu vực, Giám đốc/Tổng giám đốc doanh nghiệp, tổ chức/tập đoàn.

- Tự thành lập làm chủ doanh nghiệp và điều hành công ty

Tùy thuộc năng lực thực sự của mỗi cá nhân sau khi ra trường mà cử nhân QTKD tổng quát sẽ đảm nhận vị trí công việc nào. Con đường thăng tiến nghề nghiệp về cơ bản là như sau:

- **Trong thời gian từ 0-4 năm** đầu tiên sau khi tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh Tổng quát có thể làm tại một vị trí công việc hoặc luân chuyển ở nhiều vị trí công việc về kinh doanh; trợ lý cho các nhà quản trị cấp trung; quản trị viên cấp tác nghiệp thuộc các lĩnh vực chức năng khác nhau và tự khởi sự kinh doanh. Cụ thể, họ có thể là:
  - *Nhân viên kinh doanh*
  - *Nhân viên/quản trị viên tác nghiệp ở các bộ phận chức năng: marketing, sản xuất, bán hàng, nhân sự, dự án, chất lượng, cung ứng vật tư*

- *Trợ lý trưởng bộ phận kinh doanh*
  - *Trợ lý dự án*
  - *Chuyên viên phân tích và tư vấn kinh doanh*
  - *Chủ doanh nghiệp tư nhân, các cơ sở kinh doanh nhỏ*
- **5-10 năm:** cử nhân Quản trị kinh doanh tổng quát có thể thăng tiến đến vị trí:
    - *Trưởng một đơn vị trực thuộc: trưởng cửa hàng bán lẻ, trưởng chi nhánh, đại diện khu vực*
    - *Giám đốc điều hành vùng/khu vực*
    - *Chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ*
  - **Sau 10 năm,** với các kiến thức và kỹ năng tích lũy được từ hoạt động quản trị điều hành nhiều chức năng khác nhau và quản lý điều hành tổng quát các đơn vị cấp nhỏ lẻ, đỉnh cao nghề nghiệp của một cử nhân Quản trị kinh doanh tổng quát là:
    - *Giám đốc doanh nghiệp*
    - *Tổng giám đốc tổng công ty/tập đoàn.*
    - *Chủ doanh nghiệp*

**2. Thời gian đào tạo:** Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 120 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THPT, THCN

**5. Quy trình đào tạo:** Hình thức tín chỉ.

**6. Thang điểm:** Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ.

**7. Nội dung chương trình:**

**7.1. Học phần chung toàn Trường**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
01	SMT1001	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1	2
02	SMT1002	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2	3
03	SMT1003	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
04	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
05	LAW1001	Pháp luật đại cương	2

06	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	3
07	ENG1001	Tiếng Anh đại cương 1 (A2.1)	3
08	ENG2001	Tiếng Anh đại cương 2 (A2.2)	4
09	MIS1001	Tin học văn phòng	3
10	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	3
11	MGT1001	Kinh tế vi mô	3
12	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	3
13	MGT1002	Quản trị học	3
		<b>Tổng</b>	<b>37</b>
14		Giáo dục thể chất	5
15		Giáo dục Quốc phòng	4 tuần

### **7.2. Học phần chung khối ngành**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
16	ACC1001	Nguyên lý kế toán	3
17	MKT2001	Marketing căn bản	3
18	MIS2002	Hệ thống thông tin quản lý	3
19	HRM2001	Hành vi tổ chức	3
20	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	3
21	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	3
22	MGT2002	Nhập môn kinh doanh	3
23	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	3
24	LAW2001	Luật kinh doanh	3
25	ENG3001	Tiếng Anh kinh doanh	3
		<b>Tổng</b>	<b>30</b>

### **7.3. Học phần chung của ngành**

#### **7.3.1. Học phần bắt buộc**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
26	MKT3001	Quản trị marketing	3
27	MGT3001	Quản trị chiến lược	3
28	MGT3003	Quản trị sản xuất	3

29	HRM3001	Quản trị nguồn nhân lực	3
30	FIN3006	Quản trị tài chính	3
		<b>Tổng</b>	<b>15</b>

### 7.3.2. Học phân tự chọn

*Chọn ít nhất 6 tín chỉ trong các học phân tự chọn sau:*

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
31	LAW3001	Luật thương mại quốc tế	3
32	MKT3006	Truyền thông marketing	3
33	HRM3002	Phát triển kỹ năng quản trị	3
34	MGT3008	Quản trị công nghệ và đổi mới	3
35	IBS3007	Quản trị đa văn hóa	3
36	COM3003	Quản trị quan hệ khách hàng	3

### 7.4. Học phân chuyên ngành

#### 7.4.1. Học phân bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
37	MKT3002	Nghiên cứu marketing	3
38	MGT3002	Quản trị chuỗi cung ứng	3
39	MGT3011	Khởi sự kinh doanh	3
40	MGT3004	Quản trị dự án	3
41	MGT3005	Quản trị chất lượng toàn diện	3
42	MGT3095	Đề án kinh doanh	2
		<b>Tổng</b>	<b>17</b>

#### 7.4.2. Học phân tự chọn

*Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phân tự chọn sau:*

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
43	ACC2002	Kế toán quản trị	3
44	BAN3005	Quản trị ngân hàng	3
45	HRM3005	Thương lượng	3
46	MGT3010	Lý thuyết và thiết kế tổ chức	3
47	COM2001	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3
48	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2

### 7.5. Hoạt động ngoại khóa

TT	Hoạt động ngoại khóa	Ghi chú
49	Sinh viên tham quan cơ sở kinh doanh thực tế, tiếp xúc với các nhà khởi nghiệp và kết hợp tìm kiếm nhận diện các cơ hội kinh doanh đang có	2 tuần

### 7.6. Thực tập cuối khóa

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
		<b>Hình thức 1</b>	
50	MGT4001	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	4
51		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn	6
		<b>Hình thức 2</b>	
52	MGT4002	Khóa luận tốt nghiệp (*)	10

\* Sinh viên phải học học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”, có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp.

8. **Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần** (đính kèm theo chương trình đào tạo này)
9. **Lộ trình học** (đính kèm theo chương trình đào tạo này)
10. **Các chương trình đào tạo (đã được kiểm định) được tham khảo** (đính kèm nội dung chi tiết chương trình đào tạo đã tham khảo theo chương trình đào tạo này)

TT	Tên chương trình – Trường (Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh)	Địa chỉ website tham chiếu (nếu có)
1	The University of New South Wales, Australia	<a href="https://www.business.unsw.edu.au/Programs-Courses-Site/Documents/ug_flyer_management.pdf">https://www.business.unsw.edu.au/Programs-Courses-Site/Documents/ug_flyer_management.pdf</a>
2	The University of Amsterdam, Netherlands	<a href="http://studiegids.uva.nl/xmlpages/page/2014-2015-en/search-programme/programme/228/7711579">http://studiegids.uva.nl/xmlpages/page/2014-2015-en/search-programme/programme/228/7711579</a>
3	The Erasmus University Rotterdam, Netherlands	<a href="http://www.rsm.nl/bachelor/international-business-administration/programme/iba-curriculum/">http://www.rsm.nl/bachelor/international-business-administration/programme/iba-curriculum/</a>

4	The Queen Mary University of London (QMUL), United Kingdom	<a href="http://www.qmul.ac.uk/undergraduate/coursefinder/courses/80025.html">http://www.qmul.ac.uk/undergraduate/coursefinder/courses/80025.html</a>
5	The Washington University in St. Louis, United States	<a href="http://www.olin.wustl.edu/EN-US/academic-programs/bs-business-administration/academics/Pages/curriculum.aspx">http://www.olin.wustl.edu/EN-US/academic-programs/bs-business-administration/academics/Pages/curriculum.aspx</a>
6	The University of Southampton, United Kingdom	<a href="https://www.sbs.ac.uk/undergraduate/b-sc-business-management">https://www.sbs.ac.uk/undergraduate/b-sc-business-management</a>

**HỘI ĐỒNG**  
**XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  
*(Đã ký tên và đóng dấu)*  
**PGS.TS. Nguyễn Mạnh Toàn**